

**THÔNG BÁO**

**Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường THCS, năm học 2022 - 2023**

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
<b>I</b>	<b>Số học sinh chia theo hạnh kiểm</b>	<b>1571</b>	<b>428</b>	<b>324</b>	<b>429</b>	<b>390</b>
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1554 (98,9%)	424 (99,1%)	321 (99,1%)	420 (97,9%)	389 (99,7%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	17 (1,1%)	4 (0,9%)	3 (0,9%)	9 (2,1%)	1 (0,3%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
<b>II</b>	<b>Số học sinh chia theo học lực</b>	<b>1571</b>	<b>428</b>	<b>324</b>	<b>429</b>	<b>390</b>
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	900 (57,3%)	280 (65,4%)	203 (62,7%)	225 (52,5%)	192 (49,2%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	522 (33,2%)	123 (28,7%)	95 (29,3%)	156 (36,4%)	148 (38,0%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	149 (9,4%)	21 (4,9%)	26 (8,0%)	42 (9,8%)	50 (12,8%)
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	10 (0,1%)	4 (1,0%)	0	6 (1,3%)	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
<b>III</b>	<b>Tổng hợp kết quả cuối năm</b>	<b>1571</b>	<b>428</b>	<b>324</b>	<b>429</b>	<b>390</b>
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1570 (99,9%)	428 (100%)	324 (100%)	428 (99,8%)	390 (100%)
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	900 (57,3%)	280 (65,4%)	203 (62,7%)	225 (52,5%)	192 (49,2%)
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	522 (33,2%)	123 (28,7%)	95 (29,3%)	156 (36,4%)	148 (38,0%)
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	10 (0,1%)	4 (1,0%)	0	6 (1,3%)	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	1 (0,06%)	0	0	1 (0,2%)	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	31/34	5/5	15/10	11/9	8/2
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	27	2	4	10	11
<b>IV</b>	<b>Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi</b>	<b>62</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>62</b>
1	Cấp huyện	39	0	0	0	39
2	Cấp tỉnh/thành phố	23	0	0	0	23

3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0
<b>V</b>	<b>Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp</b>	<b>390</b>	0	0	0	390
<b>VI</b>	<b>Số học sinh được công nhận tốt nghiệp</b>	<b>390</b>	0	0	0	390
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	192 (49,2%)	0	0	0	192 (49,2%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	148 (38,0%)	0	0	0	148 (38,0%)
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	50 (12,8%)	0	0	0	50 (12,8%)
<b>VII</b>	<b>Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng</b> (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
<b>VIII</b>	<b>Số học sinh nam/số học sinh nữ</b>	772/799	210/218	177/147	197/231	187/203
<b>IX</b>	<b>Số học sinh dân tộc thiểu số</b>	49	18	12	7	12

Quận 3, ngày 01 tháng 8 năm 2023

**HIỆU TRƯỞNG**

**Lưu Thị Hà Phương**



